TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ - ST.
Ngày: 22 – 3 – 2024.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Phước;

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Hồng Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Gia Trường T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 1993, bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Gia Trường T1 tổ chức lễ cưới theo phong tục và sống chung với nhau theo nghĩa vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu, ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 6/2019 do mâu thuẫn trầm trọng nên bà và ông T1 đã sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian chung sống bà T và ông T1 có 02 (hai) con chung là Huỳnh Bướm N, sinh ngày

05/02/1995 và Huỳnh Bướm Q, sinh ngày 20/9/1996. Quá trình chung sống bà T và ông T1 không có nợ chung và tài sản chung.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu theo nội dung đơn khởi kiện, cụ thể: Về hôn nhân xin được ly hôn với ông Huỳnh Gia Trường T1; về con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; tài sản chung và nợ chung cũng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Huỳnh Gia Trường T1:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T1, nhưng bà không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T1 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T1 để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết theo hướng:

+ Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Gia Trường T1.

+ Về con chung: Bà Nguyễn Thị T xác định trong thời gian chung sống bà và ông Huỳnh Gia T2 T1 có 02 (hai) con chung là Huỳnh Bướm N, sinh ngày 05/02/1995 và Huỳnh Bướm Q, sinh ngày 20/9/1996 đều đã trưởng thành, bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T xác định trong thời gian chung sống bà và ông Huỳnh Gia T2 T1 không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T xác định trong thời gian chung sống bà và ông Huỳnh Gia T2 T1 không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 01 năm 2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Huỳnh Gia Trường T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã xác minh việc đăng ký kết hôn giữa bà T và ông T1 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Kết quả trả lời: Từ trước đến nay bà T và ông T1 chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh Gia Trường T1 từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T1 nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T1 hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Gia Trường T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T1.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ năm 1993, bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Gia Trường T1 chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ chung sống giữa ông C và ông T1 do không đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ chung sống giữa bà T và ông T1 không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T xác định trong thời gian chung sống ông và ông Huỳnh Gia Trường T1 có 02 (hai) con chung là Huỳnh Bướm N, sinh ngày 05/02/1995 và Huỳnh Bướm Q, sinh ngày 20/9/1996 đều đã trưởng thành, bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T xác định bà và ông Huỳnh Gia T2 T1 không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T xác định bà và ông Huỳnh Gia T2 T1 không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Huỳnh Gia Trường T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Gia Trường T1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003313 ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Nguyễn Thị T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Huỳnh Gia Trường T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Bảo